

NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Trịnh Quốc Toàn^(*)

1. Đặt vấn đề

Mục đích và nhiệm vụ của hoạt động tố tụng hình sự (TTHS) của nước ta là phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội. Bảo vệ trật tự, kỷ cương, bảo đảm và tôn trọng quyền tự do, dân chủ, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân. Để đạt được mục đích và nhiệm vụ này, Luật Tố tụng Hình sự (LTTHS) quy định trình tự, thủ tục tiến hành hoạt động tố tụng: khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Hoạt động TTHS do nhiều cơ quan Nhà nước tiến hành như: Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án, Cơ quan thi hành án. Do đó chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ phối thuộc và chế ước giữa các cơ quan này cần phải được LTTHS xác định rõ ràng. Bên cạnh các cơ quan này, những người tham gia tố tụng như bị can, bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan... có vai trò quan trọng trong việc xác định sự thật của vụ án cũng được LTTHS điều chỉnh thông qua việc xác định quyền và nghĩa vụ của họ.

Để hoạt động tố tụng đạt được mục đích và nhiệm vụ của mình, LTTHS ngoài việc quy định trình tự và thủ tục tố tụng cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo tính khả thi, tạo điều kiện cho những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm tố tụng,

phải định ra những nguyên tắc cơ bản với tư cách là những tư tưởng chỉ đạo đối với toàn bộ việc xây dựng và áp dụng luật. Những nguyên tắc này thực chất là những bảo đảm pháp lý cho hoạt động của các cơ quan điều tra, truy tố và xét xử trong việc xác định kịp thời, chính xác, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật đối với các hành vi phạm tội, đồng thời nó cũng là đảm bảo pháp lý cho bị can, bị cáo cũng như cho những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Chương I BLTTHS hiện hành đã có quy định về các nguyên tắc cơ bản. Qua thực tiễn áp dụng cho thấy các quy định của chương này đã thể hiện các vấn đề có tính nguyên tắc, tạo cơ sở pháp lý cho các quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng cũng như cho việc bảo vệ quyền và lợi ích của người tham gia tố tụng đặc biệt là của bị can, bị cáo.

Tuy nhiên, để thể hiện nội dung Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp và giải quyết những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra cần phải không chỉ sửa đổi, bổ sung mà còn đồng thời xây dựng mới một số nguyên tắc đã được thừa nhận chung trong pháp luật TTHS của các nước văn minh trên thế giới, đó là: Nguyên tắc hai cấp xét xử; nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền

^(*) Th.S., Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra; nguyên tắc giải quyết vấn đề dân sự trong hình sự và nguyên tắc tranh tụng...

Để góp phần vào việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện BLTTHS hiện hành, tác giả xin trình bày về nguyên tắc tranh tụng - một vấn đề cấp bách cả về mặt lý luận và thực tiễn trong TTHS Việt Nam và là một khía cạnh trung tâm của các đảm bảo tố tụng đã và đang được sự quan tâm đặc biệt của các nhà khoa học pháp lý và lập pháp - và đưa ra một số kiến nghị nhằm xây dựng, hoàn thiện nguyên tắc này trong LTTHS nước ta.

2. Khái niệm tranh tụng được sử dụng tương đối phổ biến với dung lượng khác nhau trong khoa học pháp lý ở Việt Nam cũng như ở nước ngoài, đặc biệt là kể từ khi có Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới. Tuy nhiên, trong BLTTHS 1988 chưa có quy định cụ thể trong một điều khoản nào và các cơ quan tiến hành tố tụng cũng chưa có sự giải thích rõ ràng về vấn đề này nên nó vẫn là đề tài đang được tranh luận rộng rãi.

Theo tiếng Pháp tranh tụng là “la procédure contradictoire”, tức là tố tụng kháng-biện, đối kháng, đối tịch. Theo tiếng Anh là “institute proceeding against someone” tức là thủ tục tiến hành chống lại ai đó. Trong từ điển tiếng Việt do Văn Tân làm chủ biên được Nhà xuất bản KHXH xuất bản năm 1991 thì tranh tụng là sự kiện cáo nhau, đó là cuộc tranh tụng giữa hai người có lập trường tương phản xin Tòa án phân xử.

Tranh tụng là một khái niệm có nguồn gốc từ thời kỳ cổ Hy Lạp (la Grece antique), được lưu truyền tại La Mã và được tìm thấy trong thời trung cổ ở châu Âu.

Đầu tiên, tranh tụng được áp dụng trong lĩnh vực tố tụng dân sự-gắn với khái niệm tranh chấp (litige), sau đó, được chuyển dần sang tố tụng hình sự và tố tụng hành chính chủ yếu là để đảm bảo quyền bào chữa trong quá trình tranh luận. Ngày nay, tranh tụng được áp dụng trong tố tụng hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, tố tụng hành chính, tố tụng trọng tài của đa số các nước trên thế giới.

Khoa học LTTHS, tranh tụng được sử dụng theo hai nghĩa: quá trình tranh tụng và nguyên tắc tranh tụng.

3. Tranh tụng là một quá trình

Tranh tụng là quá trình tranh luận giữa các chủ thể tham gia vào quá trình TTHS. Họ đưa ra các lý lẽ đồng thời cò sát các quan điểm về vụ án với nhau để từ đó tìm ra chân lý khách quan của vụ án trên cơ sở các quy định của pháp luật TTHS.

Quá trình tranh tụng thông thường được bắt đầu kể từ khi có quyết định khởi tố bị can, tức là từ khi xuất hiện sự buộc tội của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với một hoặc một số người cụ thể. Và nó kết thúc khi có bản án quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Nhưng quá trình này có thể xuất hiện sớm hơn ví dụ trường hợp bắt người bị tình nghi phạm tội, và có thể kết thúc muộn hơn trong trường hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật bị xét xử lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Tuy nhiên, trong toàn bộ quá trình tố tụng thì tranh tụng tại phiên tòa có ý nghĩa đầy đủ nhất. Tố tụng tại phiên tòa - bắt đầu từ khi công bố bản cáo trạng và kết thúc khi có bản án có hiệu lực pháp luật - được coi là trọng tâm và có tính quyết định. Bởi vì tại phiên tòa, Tòa án xem xét, thẩm tra tại chỗ và công khai toàn bộ các chứng cứ được thu thập trong giai đoạn điều tra, truy tố,

đó là tư tưởng, phương châm chỉ đạo cho toàn bộ quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật tố tụng hình sự. Vì lẽ đó, tranh tụng phải được coi là một trong những nguyên tắc chủ yếu cần được ghi nhận trong LTTTHS.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, pháp luật TTHS ở mỗi nước quy định rất khác nhau về quá trình TTHS và các giai đoạn tố tụng, vì vậy nội dung và phạm vi áp dụng nguyên tắc tranh tụng trong LTTTHS mỗi nước cũng có nhiều điểm không tương đồng.

Mặc dù vậy, chúng ta vẫn có thể khẳng định một thực tế là tính chất của tranh tụng được thể hiện rõ ràng nhất, đầy đủ nhất trong giai đoạn xét xử. Tranh tụng tại phiên tòa được coi như là hòn đá tảng đảm bảo các quyền của người bị buộc tội. Tuy nhiên, phạm vi nguyên tắc tranh tụng không chỉ bó gọn trong giai đoạn xét xử tại phiên tòa mà nó còn được mở rộng ra các giai đoạn tiền xét xử. Về nguyên tắc ở đâu có sự buộc tội thì ở nơi đó sẽ xuất hiện sự gỡ tội và đương nhiên có tranh tụng và như vậy, nói chung, phạm vi nguyên tắc này bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố bị can và kết thúc khi Tòa án ra bản án đã có hiệu lực pháp luật.

5. Về nội dung của nguyên tắc tranh tụng được thể hiện ở hai khía cạnh:

Thứ nhất là: Bảo đảm sự bình đẳng về pháp lý giữa các chủ thể tham gia tranh tụng;

Thứ hai là: Phân định rõ các chức năng buộc tội, gỡ tội và chức năng xét xử.

5.1. Bảo đảm sự bình đẳng về pháp lý giữa các chủ thể tham gia tranh tụng là một nội dung cơ bản của nguyên tắc tranh tụng, nó xác định rõ ràng vị trí của các chủ thể tham gia tranh tụng, nhất là vị trí của người bị buộc tội. Họ không phải là người

tham gia tố tụng thụ động mà là một bên tham gia tranh tụng tích cực, có sự bình đẳng với bên buộc tội.

a. Bảo đảm sự bình đẳng về pháp lý giữa các chủ thể tham gia tranh tụng trong giai đoạn tiền xét xử

Như trên đã trình bày, nội dung bảo đảm sự bình đẳng về mặt pháp lý giữa các bên tham gia quá trình tranh tụng không chỉ thể hiện tập trung tại phiên tòa xét xử mà nó còn được thể hiện trong các giai đoạn tiền xét xử.

Tuy nhiên, trong các giai đoạn tiền xét xử (điều tra, truy tố) không có vấn đề tranh tụng theo đúng nghĩa, mà nói đúng ra là sự chuẩn bị cho tranh tụng tại phiên tòa xét xử. Thực tế, trong giai đoạn tố tụng này việc thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân được thực hiện chủ yếu theo thủ tục bí mật. Nhưng để đảm bảo sự bình đẳng cả về pháp lý lẫn thực tế giữa bên buộc tội và bên gỡ tội, tạo điều kiện dễ dàng cho người bị buộc tội chuẩn bị thực hiện quyền bào chữa tại phiên tòa, và nhằm đảm bảo sự bình đẳng về phương tiện, nên LTTTHS có những quy định cụ thể một số quyền tố tụng đối với bị can.

Nghiên cứu BLTTTHS hiện hành cho thấy, nhà làm luật Việt Nam cũng đã ghi nhận các quyền của bị can, bị cáo trong những giai đoạn trước khi mở phiên tòa xét xử, tạo điều kiện cho họ dễ dàng trong việc thực hiện chức năng bào chữa của mình.

Khoản 2 Điều 34 qui định: "Bị can có quyền biết mình bị khởi tố về tội gì, đưa ra chứng cứ và những yêu cầu; đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch theo qui định của Bộ luật này; tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Bị can được giao nhận bản

quyết định khởi tố, áp dụng các biện pháp ngăn chặn; được giao nhận bản kết luận điều tra sau khi kết thúc điều tra, bản cáo trạng sau khi Viện kiểm sát quyết định truy tố; có quyền khiếu nại các quyết định của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát".

"Các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích và bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng". Sự giải thích trên là trách nhiệm bắt buộc của các cơ quan tiến hành tố tụng không phụ thuộc vào việc bị can có hay không có người bào chữa.

- Như vậy, quyền đầu tiên của bị can là quyền được biết mình bị khởi tố về tội gì để họ chuẩn bị bào chữa. Khoản 3 Điều 103 quy định: Cơ quan ra quyết định khởi tố bị can phải giao quyết định và giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị can, bị can ký vào biên bản giao nhận. Khoản 1 Điều 107 đòi hỏi "khi hỏi cung lần đầu Cơ quan điều tra phải đọc quyết định khởi tố bị can và giải thích quyền và nghĩa vụ cho họ biết rõ".

- Bị can có quyền đưa ra những chứng cứ và yêu cầu trước cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Các cơ quan này không được có bất cứ hành vi nào nhằm cản trở họ đưa ra những chứng cứ và yêu cầu.

- Bị can có quyền đề nghị việc thay đổi người tiến hành tố tụng (điều tra viên, kiểm sát viên), người giám định, người phiên dịch nhằm đảm bảo tính khách quan của vụ án.

- Để đảm bảo quyền bào chữa của bị can, pháp luật qui định bị can được trực tiếp tham gia vào một số hành vi tố tụng, như: có thể tham gia việc khám nghiệm hiện trường, được quyền biết kết luận giám định và trình bày ý kiến của mình về kết luận giám định, yêu cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại những điều đã ghi trong

biên bản. Chính những quy định này của pháp luật TTHS có ý nghĩa rất quan trọng đảm bảo cho bị can thực hiện quyền bào chữa mà pháp luật qui định, nó thể hiện tính dân chủ và công khai trong tố tụng. Do vậy, trong trường hợp không chấp nhận yêu cầu của bị can thì cơ quan điều tra phải báo cho bị can biết lý do từ chối.

- Quyền được giao bản sao quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, được giao bản kết luận điều tra của cơ quan điều tra khi kết thúc điều tra. Bị can được giao bản cáo trạng sau khi Viện kiểm sát quyết định truy tố và có quyền khiếu nại các quyết định của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát.

Khi nhận được bản cáo trạng và toàn bộ hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển sang. Tòa án, sau khi xem xét nếu thấy có đầy đủ căn cứ pháp lý sẽ ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị can trở thành bị cáo và quyền bào chữa của họ tiếp tục được đảm bảo bằng các quy định của LTTHS.

Điều 34 BLTTHS hiện hành quy định: "Bị cáo được giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, được tham gia phiên tòa, được đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch, theo qui định của bộ luật này; đưa ra chứng cứ và những yêu cầu; tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, nói lời sau cùng trước khi nghị án; được kháng cáo bản án và quyết định của Tòa án".

Như vậy, theo điều luật, quyền đầu tiên của bị cáo là được giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và theo Điều 157 BLTTHS: "Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên tòa".

Cùng với những điều đã biết trong quá trình điều tra, truy tố việc nghiên cứu nội

dung quyết định đưa vụ án ra xét xử giúp cho bị cáo và người bào chữa chuẩn bị công tác bào chữa trước phiên tòa được tốt hơn. Quyết định đưa vụ án ra xét xử có những nội dung quan trọng liên quan tới tội danh và điều khoản của BLHS mà Viện kiểm sát viện dẫn, đồng thời cũng ghi cụ thể những người tiến hành tố tụng. Trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên tòa, bị cáo có quyền đưa ra các chứng cứ và yêu cầu đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, yêu cầu triệu tập nhân chứng và bổ sung các tài liệu, vật chứng. Việc qui định tại Điều 34 và 157 nêu trên là sự bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo. Nó tạo ra những khả năng thực tế để bị cáo và người bào chữa của họ thực hiện tốt quyền bào chữa.

- Một quyền rất quan trọng của bị can, bị cáo là quyền bào chữa.

Quyền bào chữa bao gồm quyền tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa, hai nội dung này không tách rời nhau, không phủ nhận lẫn nhau mà luôn bổ sung cho nhau.

Người bào chữa tham gia vào quá trình tố tụng để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội một cách khách quan, chính đáng. Sự tham gia của người bào chữa trong vụ án hình sự là một nghĩa vụ và nó phụ thuộc vào ý trí của bị can, bị cáo. Họ có mời người bào chữa cho họ không hoặc cơ quan tiến hành tố tụng có chỉ định luật sư và họ có chấp nhận người này không.

Vì thế, ý trí của bị can, bị cáo là yếu tố quyết định có hay không có sự tham gia của người bào chữa. Cho nên, địa vị của người bào chữa trong TTHS là đại diện của bị can, bị cáo chứ người bào chữa không tham gia tố tụng độc lập.

Theo Điều 36 BLTTHS qui định: "Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi

khởi tố bị can. Trong trường hợp cần phải giữ bí mật điều tra đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra".

Việc qui định người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can đã mở rộng hơn theo hướng dân chủ XHCN. Quy định trên đây của pháp luật hiện hành đã giúp cho người bị buộc tội bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của họ, tránh được hiện tượng xâm phạm đến quyền tự do dân chủ của con người. Hơn nữa nó cũng tạo điều kiện cho các cơ quan điều tra khi điều tra được khách quan chính xác và đầy đủ. Người bào chữa tham gia tố tụng từ giai đoạn này cũng giúp cho họ thu thập tài liệu chứng cứ cần thiết để làm tròn nhiệm vụ của mình là không chỉ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thân chủ mà còn bảo vệ công lý, bảo vệ lợi ích của công dân nói chung chống lại sự tùy tiện.

Để đảm bảo cho người bào chữa thực hiện được chức năng của mình, Điều 36 BLTTHS cũng quy định rõ ràng quyền và nghĩa vụ của người bào chữa. "Người bào chữa có quyền có mặt khi hỏi cung bị can và nếu điều tra viên đồng ý thì được hỏi bị can và có mặt trong các hoạt động điều tra khác". Đây là một qui định để hạn chế sự vi phạm của Cơ quan điều tra và Điều tra viên dẫn đến những tiêu cực cho bị can.

Người bào chữa có quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định người phiên dịch, đưa ra các chứng cứ và yêu cầu, được gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam, được đọc hồ sơ và ghi chép những điều cần thiết sau khi kết thúc điều tra, được giao nhận bản kết luận điều tra, cáo trạng của Viện Kiểm sát.

Người bào chữa có quyền nghiên cứu hồ sơ vụ án, có quyền trao đổi tự do với thân chủ của mình và có quyền tham gia xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa.

*** Từ những phân tích khái quát trên** chúng ta thấy BLTTHS hiện hành đã ghi nhận những đảm bảo pháp lý cơ bản cho người bị tạm giữ, bị can, người bào chữa thực hiện hoạt động tranh tụng trong TTHS. Tuy nhiên hiểu theo yêu cầu của nguyên tắc tranh tụng công bằng, BLTTHS hiện hành vẫn chưa quy định một cách đầy đủ các quyền tố tụng của người bị tình nghi phạm tội, bị can hoặc người bào chữa trong giai đoạn tiền xét xử dẫn đến họ không có sự bình đẳng về phương tiện cho việc thực hiện chức năng bào chữa. Cho nên cần phải bổ sung, hoàn thiện trong BLTTHS mới, đó là:

1. Chưa có quy định cho người bị tình nghi phạm tội mà bị bắt, bị tạm giữ quyền được từ chối khai báo, quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác người bào chữa. Vì thế BLTTHS mới cần quyền này của người bị bắt, bị tạm giữ.

2. Người bào chữa vẫn chưa có quyền tham gia tố tụng trong trường hợp có bắt người, không được sao chụp các tài liệu cần thiết cho việc bào chữa, không được đọc hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra vụ án của cơ quan điều tra, không được thu thập chứng cứ thông qua việc thu thập tài liệu, đồ vật và những thông tin khác từ người bị bắt, tạm giữ, bị can, bị cáo và từ những người thân thích của họ hoặc từ các cơ quan, tổ chức.

Để đảm bảo sự bình đẳng trong tranh tụng cần quy định người bào chữa được tham gia từ khi có bắt người. Họ có quyền được xem hồ sơ tài liệu của Cơ quan điều tra đang tiến hành điều tra, có quyền sao chụp, ghi chép những vấn đề cần thiết

trong hồ sơ để phục vụ cho công tác bào chữa của mình và họ có quyền thu thập chứng cứ thông qua việc thu thập tài liệu, đồ vật và những thông tin khác từ người bị bắt, tạm giữ, bị can, bị cáo và từ những người thân thích của họ hoặc từ các cơ quan, tổ chức.

3. BLTTHS hiện hành quy định người bào chữa có quyền nghiên cứu hồ sơ vụ án. Tuy nhiên đối với bị can, bị cáo tự bào chữa cho mình thì lại không có quyền tương tự như vậy. Chúng ta biết, rõ ràng đây là vấn đề liên quan đến việc bảo vệ chứng cứ và phòng ngừa việc tiết lộ, tiêu huỷ hoặc chiếm đoạt các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ vụ án. Nhưng nó lại là một vấn đề đầy mâu thuẫn, gây hại cho nguyên tắc tranh tụng, không công bằng trong những trường hợp không có luật sư tham gia tranh tụng. Bởi vì một mặt luật cho phép họ có khả năng tự bào chữa cho mình nhưng mặt khác lại không chấp nhận cho họ những phương tiện pháp lý cần thiết để thực hiện quyền đó có hiệu quả.

Cho nên, theo chúng tôi BLTTHS sửa đổi cần phải đặt ra nguyên tắc trợ giúp bắt buộc của người bào chữa trong mọi vụ án hình sự như là đối với trường hợp tội phạm do người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về thể chất và tâm thần thực hiện hoặc là đối với người thực hiện tội phạm mà luật quy định mức hình phạt cao nhất là tử hình.

4. Trong BLTTHS hiện hành chưa có quy định về quyền được im lặng của bị can. Đây là quyền rất quan trọng của bị can, nên theo yêu cầu bảo đảm sự bình đẳng trong tranh tụng cần thiết phải ghi nhận quyền này trong BLTTHS mới. Các cơ quan điều tra không cần sự khai báo hay hợp tác của bị can và phải tuyệt đối chú trọng đến quyền con người. Việc hỏi cung

bị can cần thiết phải có sự có mặt của luật sư và luật sư phải được tham gia quy trình tố tụng ngay từ bước khởi đầu.

b. Bảo đảm sự bình đẳng pháp lý giữa các chủ thể tham gia tranh tụng tại phiên tòa xét xử

Có thể khẳng định giai đoạn xét xử của Tòa án là giai đoạn quan trọng nhất, vì giai đoạn này Hội đồng xét xử thay mặt Nhà nước quyết định một người có tội hay không có tội và quyết định hình phạt đối với người đó tại một phiên tòa công khai. Do vậy, BLTTHS đã quy định cụ thể các quyền tố tụng của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo khi tham gia phiên tòa xét xử để bảo đảm cho họ có thể bình đẳng về mặt pháp lý trong tranh tụng.

Theo Điều 34 thì sự có mặt của bị cáo tại phiên tòa là quyền của bị cáo. "Tòa án chỉ xử vắng mặt bị cáo trong những trường hợp a) bị cáo trốn tránh và việc truy nã không có kết quả; b) Bị cáo đang ở nước ngoài và không thể triệu tập đến phiên tòa; c) Nếu sự vắng mặt của bị cáo không trở ngại cho việc xét xử và họ đã được giao giấy triệu tập hợp lệ" (Điều 162). Ngoài những trường hợp nêu trên, nếu vắng mặt bị cáo Tòa án phải ra quyết định hoãn phiên tòa.

Để đảm bảo sự khách quan trong việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, cũng theo Điều 34 bị cáo và người bào chữa của họ có quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người giám định theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát đọc cáo trạng, bị cáo được trình bày ý kiến về bản cáo trạng và những tình tiết của vụ án (Điều 183).

Bị cáo cũng có quyền phát biểu, nhận xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ bao

gồm cả những kết luận giám định sau khi nghe Hội đồng xét xử công bố công khai tài liệu có trong hồ sơ hoặc mới đưa ra khi xét hỏi. Họ cũng có quyền đưa ra những chứng cứ, những yêu cầu.

Theo khoản 2 Điều 191: trong phần tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát trình bày bản luận tội, bị cáo có quyền trình bày lời bào chữa. Trong trường hợp, nếu bị cáo có người bào chữa thì sau khi người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo, bị cáo vẫn có quyền bổ sung ý kiến bào chữa, vì việc nhờ người khác bào chữa cho mình không làm mất đi quyền tự bào chữa.

Trong tranh luận, bị cáo và người bào chữa cho họ có quyền bình đẳng với Kiểm sát viên duy trì quyền công tố trước Tòa án. Họ có quyền bình đẳng đưa ra các chứng cứ, tài liệu về vụ án, trong việc đánh giá chứng cứ, trình bày các lý lẽ phản bác ý kiến của người buộc tội và của người khác, đặt câu hỏi cho người khác và đáp lại những câu hỏi mà người khác đặt ra, viện dẫn các văn bản pháp luật cần thiết nhằm bảo vệ các quan điểm, lập luận của mình trước Hội đồng xét xử, bị cáo và người bào chữa có quyền đưa ra những yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo hướng vô tội hoặc giảm nhẹ tội cũng như về vấn đề bồi thường thiệt hại nếu có.

Đặc biệt là Điều 34 BLTTHS có quy định bị cáo có quyền nói lời sau cùng. Đây là một bảo đảm quan trọng của pháp luật cho bị cáo thực hiện quyền bào chữa của mình. Lời sau cùng phản ánh thái độ trung thực có ý nghĩa pháp lý quan trọng mà Hội đồng xét xử cần phải chú ý đánh giá xem xét. Khi bị cáo nói lời sau cùng không ai được đặt câu hỏi đối với bị cáo và cũng không được hạn chế về thời gian (Điều 194 BLTTHS).

Sau khi Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án và quyết định sơ thẩm trong thời hạn luật định. Điều 203 BLTTHS qui định "Chậm nhất là mười lăm ngày sau khi tuyên án, Tòa án phải giao bản sao bản án cho bị cáo".

***Nghiên cứu các quy định về bảo đảm pháp lý** cho các bên tham gia tranh tụng trước phiên tòa xét xử cho thấy BLTTHS hiện hành đã có những quy định bảo đảm bình đẳng giữa các bên về mặt pháp lý. Tuy nhiên, theo chúng tôi còn một số hạn chế, đó là:

1. Nếu chúng ta coi sự thẩm vấn là một phương tiện bào chữa thì chứa đựng như là một hệ quả của nó là quyền của bị cáo từ chối trả lời.

Theo nguyên tắc tranh tụng, bị cáo có quyền im lặng (*droit au silence*). Họ có thể từ chối trả lời một phần hoặc toàn bộ các câu hỏi thẩm vấn của Hội đồng xét xử cũng như của bên buộc tội hoặc từ chối tranh luận các chứng cứ, nếu họ tin rằng theo cách đó việc bào chữa của họ sẽ được đảm bảo tốt hơn.

Cơ sở nền tảng tố tụng của quyền được im lặng nằm trong quy định nghĩa vụ chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tố tụng, bị can, bị cáo có quyền chứng minh sự vô tội của mình, nhưng họ không có nghĩa vụ đó.

Việc quy định quyền này trong luật cũng đồng nghĩa với việc không cho phép cơ quan tiến hành tố tụng lấy sự im lặng của bị cáo để làm căn cứ cho việc xác định lỗi cũng như các tình tiết tăng nặng TNHS đối với họ.

Ở đây chúng ta không nên quên rằng bị cáo - người được hưởng sự suy đoán vô tội, không bị bắt buộc xuất trình bất cứ một

chứng cứ hoặc lời trình bày nào và rằng Thẩm phán tin rằng niềm tin của họ đã được hình thành, lỗi của bị cáo chỉ có thể được xác định trong giới hạn những chứng cứ mà người buộc tội đã thu thập được, trong khi thiếu vắng các chứng cứ đối lập. Tuy nhiên, cũng cần phải nói thực là trong thực tế về mặt tâm lý Thẩm phán không thể không bị ảnh hưởng trong những trường hợp có sự im lặng của người bị xét xử, không nhận được lời thú tội của họ, không có sự phản đối của họ đối với các chứng cứ buộc tội.

BLTTHS Việt Nam không ghi nhận quy định nghĩa vụ của Chủ tọa phiên tòa thông báo cho người bị xét xử là họ có quyền không phải trả lời. Nhưng hiểu như thế nào về sự tôn trọng quyền được im lặng của bị cáo, trong khi Thẩm phán cần tìm kiếm sự thật. Và để thực hiện nhiệm vụ đó cần phải thẩm vấn người bị xét xử hiểu theo quy định của luật. Đây là vấn đề nan giải hiện nay. Nhưng một điều không thể phủ nhận là nếu chúng ta thừa nhận nguyên tắc tranh tụng thì không thể không quy định quyền được im lặng của bị can, bị cáo trong luật và các cơ quan tiến hành tố tụng phải thông báo cho họ quyền đó.

2. Để đảm bảo cho việc bào chữa có hiệu quả và có ích, người bị xét xử hoặc người bào chữa cho họ phải có quyền được nói tự do. Cần phải chấp nhận sự miễn trừ về tư pháp về lời nói hoặc viết. Loại trừ trách nhiệm đối với tất cả những hành vi vu khống, làm nhục hoặc xúc phạm cho các bài bào chữa được trình bày hoặc viết trước Tòa án. Sự miễn trừ này mà bị cáo và người bào chữa cho họ cũng như những người tham gia tố tụng khác được hưởng, được đảm bảo trước tất cả các cấp Tòa án

hình sự và đối với mọi lời nói (biện hộ, bài tham luận) và các văn bản tài liệu (lời nhận xét, đơn trình bày, các kết luận...)

Tuy nhiên, quyền miễn trừ về tư pháp này đặc biệt quan trọng đối với bị cáo và luật sư. Thực tế, những người này bị lép vế khi đứng đối diện với Kiểm sát viên- một chuyên gia buộc tội đồng thời là người thay mặt Nhà nước duy trì quyền công tố, có đầy đủ quyền năng pháp lý và phương tiện cần thiết để tìm kiếm thu thập chứng cứ, tài liệu và có trong tay toàn bộ hồ sơ vụ án. Trước Tòa án họ chỉ có thể sử dụng lời nói để bình đẳng về phương tiện đối với Kiểm sát viên. Do đó họ cần phải có tự do về lời nói và rằng như vậy họ mới có thể trình bày quan điểm của mình mà không sợ hãi, mất bình tĩnh.

Ngoài ra, sự miễn trừ tư pháp này chưa được đựng trong nó những hạn chế nhất định trong trường hợp lạm dụng tự do bào chữa. Sự miễn trừ sẽ mất khi lời nói hoặc văn bản viết nhục mạ, phỉ báng không gắn gì với các tình tiết của vụ án đang được giải quyết trước Tòa án.

Hiện nay, BLTTHS hiện hành Việt Nam chưa có quy định về quyền này của bị can, bị cáo và người bào chữa, vì vậy cần phải khẳng định quyền miễn trừ này trong Bộ luật mới.

3. Đối với nguyên tắc tranh tụng, việc xuất trình chứng cứ tại phiên tòa đóng một vai trò rất quan trọng và nó được tiến hành dưới hình thức tranh tụng theo cách đối tịch. Nguyên tắc này tạo ra khả năng cho các bên tham gia toàn bộ các hoạt động trong khuôn khổ thẩm vấn và tranh luận,

phản bác lại các chứng cứ của đối phương được xuất trình trước tòa.

Một trong những đảm bảo sự bình đẳng trong tranh tụng là thừa nhận cho bị cáo hoặc người bào chữa cho họ quyền triệu tập ra tòa và hỏi nhân chứng gỡ tội.

Nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi sự triệu tập và lấy lời khai, trong những điều kiện như nhau, các nhân chứng buộc tội và gỡ tội. BLTTHS mới cần phải quy định quyền hạn này của bị cáo và người bào chữa, vì hiện nay, BLTTHS chưa có quy định quyền này của bị cáo và của người bào chữa. Mà việc triệu tập nhân chứng hoàn toàn thuộc thẩm quyền quyết định của Tòa án.

4. Bị cáo và người bào chữa cho họ có quyền được đối đáp lại những kết luận của giám định viên. Họ có quyền yêu cầu triệu tập giám định viên và những kết luận của họ là đối tượng tranh tụng tại phiên tòa.

Đối với vấn đề này, Chủ tọa phiên tòa, sử dụng thẩm quyền của mình điều hành tranh luận tại phiên tòa, cho phép Kiểm sát viên và các bên đặt ra những câu hỏi cho các giám định viên dưới sự giám sát của thẩm phán.

Nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi trong trường hợp bị cáo hoặc người bào chữa cho họ nếu không đồng ý với kết luận giám định có thể đi xa hơn là yêu cầu hoặc tự mình mời ra tòa với tư cách là nhân chứng một chuyên gia do họ lựa chọn. Trong trường hợp này tranh luận đối kháng được thiết lập giữa giám định viên do Công tố viên và chuyên gia do bên luật sư triệu tập. Chủ tọa phiên tòa yêu cầu chuyên gia và các bên trình bày nhận xét của mình.

Tác giả cho rằng BLTTHS mới nên quy định rõ quyền này của bị cáo và người bào chữa.

5. BLTTHS (Điều 162, 165, 165) quy định trong trường hợp nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, trong khi đó người bào chữa, bị cáo vắng mặt thì vẫn có thể tiến hành phiên tòa xét xử bình thường. Rõ ràng đây là những quy định thể hiện sự không bình đẳng trong tranh tụng cần phải sửa đổi lại cho phù hợp.

5.2. Có sự phân định rành mạch, rõ ràng các chức năng buộc tội, chức năng bào chữa và chức năng xét xử trong tranh tụng

Đây là một trong những nội dung cơ bản của nguyên tắc tranh tụng. Nó tạo ra các khả năng và điều kiện cho các bên có thể bảo vệ được các quyền và lợi ích của mình có hiệu quả nhất trước Tòa án. Nếu thiếu nội dung này thì nguyên tắc tranh tụng sẽ mất đi ý nghĩa của nó, bởi lẽ khi mà Tòa án vừa là người trọng tài xét xử lại vừa giữ vai trò là người buộc tội hoặc người gỡ tội thì sẽ không thể có sự bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tranh tụng. Phán quyết của Tòa án sẽ thiên lệch, không khách quan. Như vậy thực chất đòi hỏi của việc phân định rành mạch giữa 3 chức năng buộc tội, gỡ tội và xét xử là nhấn mạnh vị trí, vai trò quan trọng của Tòa án là trọng tài công minh giữa hai bên buộc tội và gỡ tội. Tòa án không được định kiến với bất cứ bên nào vì bất cứ lý do gì trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án cũng không bị ràng buộc bởi các đề nghị, yêu cầu của bên buộc tội hoặc bên gỡ tội hoặc của bất cứ người tham gia tố tụng nào.

Toà án không chỉ dựa vào hồ sơ vụ án do các cơ quan điều tra, truy tố (bên buộc tội) lập

mà trong đó có chứa các chứng cứ mà các cơ quan này thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố mà phải xác định độ tin cậy, chính xác của nó một cách công khai tại phiên tòa xét xử, đồng thời làm rõ những tình tiết hoặc những khía cạnh còn nghi vấn, nghe các bên buộc tội và gỡ tội tranh luận và các quan điểm của những người tham gia tố tụng khác... trên cơ sở đó Tòa án mới đưa ra phán quyết khách quan toàn diện và đầy đủ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trên thế giới hiện nay có hai kiểu tố tụng: tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn. Mỗi xu hướng có những quan niệm khác nhau về vai trò của Tòa án trong xét xử.

Ở các nước theo kiểu tố tụng tranh tụng, vai trò của Thẩm phán là chủ tọa phiên tòa trong tranh tụng tại phiên tòa nói chung là mờ nhạt, họ chỉ giữ vai trò thụ động. Thẩm phán chỉ giữ chức năng là người điều khiển quá trình tranh tụng giữa các bên và duy trì trật tự phiên tòa. Thẩm phán không tìm kiếm, thu thập chứng cứ và chứng minh các tình tiết của vụ án, mà trách nhiệm đó thuộc về bên buộc tội và gỡ tội. Họ chỉ quyết định tính hợp pháp của các chứng cứ mà các bên xuất trình trước tòa và chỉ duy nhất giám sát sự tôn trọng của các bên đối với các đòi hỏi của pháp luật hoặc tập quán trong việc xuất trình các yếu tố chứng minh. Trong phiên tòa xét xử, tố tụng được tiến hành theo nguyên tắc công khai, bằng lời và tranh tụng.

Bồi thẩm đoàn là cơ quan quyết định bị cáo phạm tội hay không phạm tội, nếu bị cáo phạm tội thì Thẩm phán sẽ tuyên bị cáo phạm tội gì và mức hình phạt tương ứng

Có thể nói theo kiểu tố tụng này, quyền tự do, dân chủ của con người được đề cao, đảm bảo sự khách quan, công bằng. Nó luôn mở ra cơ hội cho các bên, một hệ tố tụng mà phán quyết dựa vào kết quả tranh tụng tại tòa án nên tố tụng tranh tụng có thể hạn chế đến mức tối đa các trường hợp kết án oan người không phạm tội. Hệ quả này bắt nguồn từ việc tố tụng tranh tụng phát huy được tính chủ động, tích cực của các bên tranh tụng và không có sự phân biệt đối xử giữa công tố viên và luật sư.

Còn đối với các nước theo kiểu tố tụng thẩm vấn (procédure inquisitoire) - một loại hình tố tụng mà việc xác định sự thật khách quan của vụ án dựa trên kết quả điều tra của cơ quan điều tra và việc xét hỏi bị cáo tại phiên tòa của Hội đồng xét xử - vai trò và chức năng xét xử của Tòa án được đề cao, thậm trí rất cao. Phiên tòa trong tố tụng thẩm vấn thực chất là một giai đoạn tiếp tục điều tra. Thẩm phán không còn chỉ là người điều khiển, giữ gìn trật tự phiên tòa mà bản thân họ còn là người trực tiếp xét hỏi bị cáo và nhân chứng. Thẩm phán của hệ tố tụng thẩm vấn giữ vai trò tích cực trong việc tìm kiếm chứng cứ, được nghiên cứu hồ sơ từ trước, họ nắm bắt được các tình tiết của vụ án và chủ động đặt ra các câu hỏi cho bị cáo. Họ xem xét, đánh giá chứng cứ và phán quyết dựa trên niềm tin nội tâm của mình mà không cần phải dựa vào ý kiến đánh giá của bất kỳ một người tham gia tố tụng nào. Vì vậy, có thể nói trong hệ tố tụng thẩm vấn, Thẩm phán là nhân vật giữ vị trí trung tâm của một phiên tòa.

Do quá coi trọng vào hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra và Viện công tố cung cấp, nên nhìn chung phán quyết của Thẩm

phán không dựa vào tranh luận giữa bên buộc tội và gỡ tội. Vai trò của Luật sư rất mờ nhạt và chỉ là hình ảnh trang trí cho tính dân chủ của phiên tòa.

** Nghiên cứu BLTTHS Việt Nam hiện hành* cho thấy Bộ luật này đã có những nội dung hợp lý của nguyên tắc tranh tụng, đã có những quy định cần thiết cho việc phân biệt chức năng buộc tội, gỡ tội, chức năng xét xử. Tuy thế, chúng tôi thấy vẫn còn có những điểm chưa phù hợp, thiên về tố tụng thẩm vấn nhiều hơn.

1. Những quy định trong Chương XIX BLTTHS về thủ tục xét hỏi tại phiên tòa đã đạt quyền lực hầu như tập trung vào Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử phải chịu toàn bộ gánh nặng trách nhiệm chứng minh, còn các bên buộc tội và gỡ tội chỉ tham gia quá trình này ở mức độ rất hạn chế. Chính các quy định này làm cho quá trình tranh tụng tại phiên tòa không còn giữ đúng bản chất của nó nữa dẫn đến Tòa án vừa không đảm nhiệm tốt chức năng xét xử của mình và lại đồng thời lấn sang chức năng buộc tội. Nó hạn chế tính tích cực, chủ động của các bên tranh tụng, ảnh hưởng tới việc làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

Nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi phải cải cách lại trình tự, thủ tục xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục tranh tụng tại phiên tòa theo hướng để cho các bên buộc tội và gỡ tội và những người tham gia tố tụng khác thực hiện trách nhiệm chứng minh và xét hỏi là chủ yếu. “Khi xét xử, các Tòa án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật... việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem

xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn dân sự và những người có quyền, lợi ích hợp pháp”. “Các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư tham gia vào quá trình tố tụng: tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh luận dân chủ tại phiên tòa”.

2. BLTTHS quy định một số quyền của Tòa án như: Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm (Điều 11); có trách nhiệm khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do bộ luật này quy định để xác định và xử lý người phạm tội (Điều 13, điều 87); có quyền nghiên cứu hồ sơ vụ án và nếu thấy hồ sơ chưa đủ thì có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung (Điều 154); có quyền áp dụng khung hình phạt nặng hơn khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố (điều 170); có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm các bản án, quyết định của tòa án cấp dưới đã có hiệu lực pháp luật (Điều 144, Điều 263). Đây là những quyền hạn có tính chất buộc tội nhiều hơn. Việc quy định như thế vô hình chung cho phép Tòa án lấn sang cả chức

năng công tố và như vậy sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự bình đẳng về pháp lý giữa các bên, trái với đòi hỏi của nguyên tắc tranh tụng. Vì vậy trong BLTTHS mới cần phải xác định lại các quyền này của Tòa án cho phù hợp.

Tóm lại, Trong bài viết tác giả đã trình bày những vấn đề cơ bản về khái niệm tranh tụng, nguyên tắc tranh tụng, quá trình tranh tụng, nội dung của nguyên tắc tranh tụng đã được ghi nhận trong BLTTHS hiện hành của nước ta. Trên cơ sở nghiên cứu những nội dung cơ bản trên về tranh tụng và nguyên tắc tranh tụng, tác giả đã đưa ra một số kiến nghị nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nguyên tắc tranh tụng - một nguyên tắc cơ bản của TTHS trong BLTTHS mới của Việt Nam.

Đây là đề tài lớn, có nội dung rất phức tạp, có quan hệ đến một loạt các chế định của LTTHS, bởi vậy nó cần được tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn, triệt để hơn, hệ thống và toàn diện hơn để góp phần thực hiện tốt yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp mà Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị đã đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thanh Bình, Quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong BLTTHS Việt Nam, *Tạp chí Tòa án Nhân dân*, số 1, 2000.
2. G. Stefani, G Levasseur, B. Bouloc, *Procédure pénale*, 13^e éd, 1987.
3. Phạm Hồng Hải, Địa vị pháp lý của người bào chữa trong TTHS Việt Nam, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 6, 1995.
4. Levasseur, Chavanne et Montreuil, *Droit pénal et Procédure pénale (capacité)*, 11e éd. Sirey, 1994.

5. Mireille Delmas. Marty., *Procès pénal et droits de l'homme vers une conscience européenne*, PUF, 1992.
6. Pradel., *Droit pénall comparé*, Dalloz, pp. 578-579, 1995.
7. Rassat (Mme M.L.), *Procédure pénale*, PUF (coll. Droit fondamental), 2^e éd, 1995.
8. Hoàng Thị Sơn, Các chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử trong TTHS, *Tạp chí Luật học*, số 2, 1998.
9. Hồ Sĩ Sơn, Những đảm bảo hiệu quả hoạt động bào chữa trong TTHS, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 10, 2000.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE. ECONOMICS-LAW, T.XIX, N_o4, 2003

INSTITUTE PROCEEDINGS PRINCIPLE IN VIET NAM PROCEDURE LAW AND SOME PROPOSALS

M.A Trinh Quoc Toan

Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi

In the article, the author expressed and analysed concept, content and scope of institute proceedings principle. On this basis, the author confirmed that this principle was defined in Viet nam criminal procedure Law although it was not defined separately in any specific provision. This principle is expressed not only in judgement stage but also in pre - judgement stages.

On the basis of analysing legal practical regulations, the author pointed out shortcomings and defects in stipulating this principle. Therefore in the process of reforming cimnal procedure law, law - makers should take considerations to amend, supply and perfect it in order to protect the rights of the citizens extremely and effectively.